

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 12/10/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	23641243	Hoàng Xuân Mai	04/12/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B302
02	A2-002	23641473	Đinh Ngọc Thắng	06/05/2005	Nam	Long An	A2	B302
03	A2-003	22631225	Đỗ Thị Phương Anh	02/07/2004	Nữ	Long An	A2	B302
04	A2-004	22641027	Bùi Thị Ngọc Ánh	16/08/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B302
05	A2-005	23634028	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ánh	14/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
06	A2-006		Lê Chi Bảo	01/01/2004	Nam		A2	B302
07	A2-007	23612101	Trần Hữu Đức	21/05/2003	Nam	Bình Định	A2	B302
08	A2-008	23641002	Nguyễn Trọng Duy	30/11/2004	Nam	Bạc Liêu	A2	B302
09	A2-009	23641152	Võ Nguyễn Hương Giang	17/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
10	A2-010	23631114	Hoàng Thị Hồng Hà	08/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
11	A2-011	23631364	Lê Thị Ngân Hà	05/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
12	A2-012	23631195	Nguyễn Thị Thanh Hằng	18/02/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
13	A2-013	23631254	Lê Thị Phúc Hạnh	25/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
14	A2-014	23641059	Phạm Thị Thanh Hiền	22/07/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
15	A2-015	23634001	Nguyễn Huy Hoàng	20/03/1996	Nam	TP. HCM	A2	B302
16	A2-016	23631124	Nguyễn Phương Hoàng	07/04/2005	Nam	Ninh Thuận	A2	B302
17	A2-017	23631265	Trương Ngọc Huệ	05/08/2005	Nữ	Long An	A2	B302
18	A2-018	23612065	Phan Hữu Hùng	25/09/2005	Nam	Hà Tĩnh	A2	B302
19	A2-019	23600144	Đào Ngọc Quỳnh Hương	03/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
20	A2-020	23631317	Lê Thị Huỳnh Hương	03/05/2005	Nữ	Long An	A2	B302
21	A2-021	23600316	Nguyễn Minh Huy	21/04/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
22	A2-022	23641065	Nguyễn Ngọc Minh Huy	08/12/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
23	A2-023	23600270	Trần Gia Huy	08/11/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
24	A2-024	23631267	Nguyễn Như Huỳnh	04/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
25	A2-025	23641307	Dương Gia Khánh	01/11/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
26	A2-026	22631224	Nguyễn Đăng Khoa	26/07/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
27	A2-027	24641059	Lê Bảo Khuyên	06/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B302
28	A2-028	23682010	Nguyễn Thị Ngọc Loan	27/07/2005	Nữ	Long An	A2	B302
29	A2-029	22662005	Lê Huỳnh Long	23/12/2000	Nam	TP. HCM	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 12/10/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-030	23600228	Nguyễn Văn Thành Long	17/08/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
02	A2-031	24611145	Nguyễn Thành Luân	04/10/2006	Nam	TP. HCM	A2	B303
03	A2-032	23631098	Nguyễn Đào Diễm Mi	04/04/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
04	A2-033	23641479	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	28/09/2005	Nữ	Kiên Giang	A2	B303
05	A2-034	23600065	Nguyễn Thị Phương Nghi	27/05/2005	Nữ	Long An	A2	B303
06	A2-035	23661024	Vũ Minh Nghĩa	04/12/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
07	A2-036	23641345	Nguyễn Hồng Ngọc	16/06/2025	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
08	A2-037	23641392	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01/01/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
09	A2-038	20641684	Nguyễn Thị Thuý Nguyên	11/02/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B303
10	A2-039	23631338	Lê Nguyễn Yến Nhi	30/12/2005	Nữ	Quảng Nam	A2	B303
11	A2-040	23631261	Nguyễn Thị Thuý Nhi	24/10/2005	Nữ	An Giang	A2	B303
12	A2-041	23600068	Phạm Thị Diễm Nhi	08/09/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B303
13	A2-042	23600174	Trần Thị Tuyết Nhi	28/12/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
14	A2-043	23611166	Trương Thị Tuyết Nhung	10/10/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
15	A2-044	22641503	Vũ Thị Hồng Nhung	26/06/2002	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B303
16	A2-045	23600160	Huỳnh Tuấn Phát	09/02/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
17	A2-046	23600062	Huỳnh Tấn Phúc	12/12/2004	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B303
18	A2-047	23611146	Huỳnh Thị Kim Phúc	05/05/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B303
19	A2-048	24611109	Lê Thị Bích Phương	08/09/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
20	A2-049	23641319	Nguyễn Phú Quý	22/07/2004	Nam	Long An	A2	B303
21	A2-050	23631309	Trần Đình Phương Quyên	28/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
22	A2-051	23635126	Bùi Thị Quỳnh	22/02/2005	Nữ	Trà Vinh	A2	B303
23	A2-052	23612015	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	09/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
24	A2-053	23612067	Nguyễn Thị Ngân Quỳnh	20/06/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B303
25	A2-054	23600031	Trần Văn Rin	26/08/2000	Nam	Thừa Thiên - Huế	A2	B303
26	A2-055	24641245	Trần Nhật Tân	11/04/2006	Nam	TP. HCM	A2	B303
27	A2-056	22671014	Lê Bích Ngọc Thanh	24/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
28	A2-057	23600222	Phạm Thị Thu Thảo	02/01/2005	Nữ	Đắk Nông	A2	B303
29	A2-058	23681043	Đặng Thị Thanh Thảo	05/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 12/10/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-059	24641242	Huỳnh Châu Văn		Thật	09/12/2006	Nam	Bến Tre	A2	B304
02	A2-060	23631311	Nguyễn Thị Minh		Thi	25/05/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B304
03	A2-061	23600005	Trần Vũ Bảo		Thiên	20/05/2001	Nam	TP. HCM	A2	B304
04	A2-062	23631228	Lương Trần Minh		Thư	24/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
05	A2-063	23600285	Bình Nữ Hoài		Thương	31/07/2001	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
06	A2-064	24631204	Tô Lâm Hoàng		Thy	08/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
07	A2-065	23600293	Bùi Thị Ngọc		Tiên	28/06/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
08	A2-066	22661105	Nguyễn Bảo		Toàn	31/12/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
09	A2-067	23641070	Trần Diệu		Toàn	20/06/2003	Nam	Long An	A2	B304
10	A2-068	23631231	Nguyễn Thị Huyền		Trân	25/10/2005	Nữ	Long An	A2	B304
11	A2-069	23600140	Hồ Ngọc		Trinh	13/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
12	A2-070	23641035	Hồ Thị Phương		Trinh	22/10/2002	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
13	A2-071	23631264	Nguyễn Ngọc Phương		Trinh	14/06/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
14	A2-072	23661034	Nguyễn Phi		Trường	03/12/2005	Nam	Bình Định	A2	B304
15	A2-073	23631310	Nguyễn Thị Anh		Tú	05/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
16	A2-074	22611131	Phạm Sơn		Tùng	24/09/2004	Nam	Bình Phước	A2	B304
17	A2-075	23671002	Nguyễn Thị		Tuyết	15/05/1992	Nữ	Nghệ An	A2	B304
18	A2-076	23641359	Huỳnh Ngọc Phương		Uyên	26/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
19	A2-077	23600275	Lê Anh		Văn	02/03/2005	Nam	Trà Vinh	A2	B304
20	A2-078	23634029	Đỗ Khả		Vi	19/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
21	A2-079	23600059	Vũ Phạm Quang		Vinh	16/11/2005	Nam	Đồng Nai	A2	B304
22	A2-080	22641081	Lê Hoài		Vũ	14/03/2003	Nam	Bến Tre	A2	B304
23	A2-081	22661013	Nguyễn Hoàng Anh		Vũ	11/05/2003	Nam	TP. HCM	A2	B304
24	A2-082	23631260	Dương Tường		Vy	06/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
25	A2-083	22641676	Phạm Huỳnh Anh		Vy	19/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
26	A2-084	23681022	Lâm Thanh		Xuân	07/01/2004	Nữ	Long An	A2	B304
27	A2-085	23641280	Trần Lê Kim		Xuyến	31/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
28	A2-086	23631369	Phạm Trinh Như		Ý	05/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
29	A2-087	23641097	Trần Nguyễn Hoàng		Yến	07/07/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.